

Số: 61 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	
CÔNG VĂN ĐIỆN TỬ	
ĐẾN	Số: 1343
Chuyên:	Ngày: 21/7/2026
Số và ký hiệu HS:	

THÔNG TƯ

**Quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở
trong hoạt động giáo dục đại học**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;
Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo và tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học; cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo); tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học là tài nguyên giáo dục mở được các cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân xây dựng, phát triển, biên

soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt, công bố, chia sẻ, khai thác, sử dụng và quản lý phục vụ trong hoạt động giáo dục đại học.

2. *Tài nguyên giáo dục mở* là học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu dưới bất kỳ định dạng hoặc phương tiện nào, bao gồm giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo, khóa học trực tuyến, học liệu đa phương tiện, dữ liệu học tập và các tài nguyên giáo dục khác; tồn tại trong phạm vi công cộng hoặc thuộc quyền tác giả nhưng được phát hành theo giấy phép mở, cho phép người sử dụng truy cập để giữ lại, sử dụng lại, sửa đổi, kết hợp lại và phân phối lại theo quy định của giấy phép mở.

3. *Giấy phép mở* là một loại giấy phép tôn trọng quyền tác giả và cung cấp các quyền cho phép người sử dụng được truy cập, giữ lại, sử dụng lại, sửa đổi, kết hợp lại và phân phối lại các tài nguyên mở; không phải là giấy phép hành chính, giấy phép hoạt động giáo dục đại học hoặc điều kiện đầu tư kinh doanh.

4. *Quyền truy cập mở* là quyền truy cập tự do và hợp pháp đến các tài nguyên mở trên môi trường trực tuyến, cho phép người sử dụng đọc, tải về, sao chép, in, liên kết và chia sẻ nội dung mà không cần trả chi phí hoặc xin phép, tuân thủ pháp luật và điều kiện theo quy định trong giấy phép mở.

5. *Giữ lại* là quyền được tải xuống, sao chép, lưu giữ và sở hữu một bản sao của tài nguyên mở phù hợp với quy định trong giấy phép mở.

6. *Sử dụng lại* là việc khai thác, sử dụng toàn bộ hoặc một phần nội dung tài nguyên mở gốc cho các mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu hoặc hình thức khác theo quy định trong giấy phép mở; bảo đảm tôn trọng và tuân thủ quy định về bản quyền.

7. *Sửa đổi* là việc điều chỉnh nội dung tài nguyên mở phù hợp với mục đích sử dụng theo quy định trong giấy phép mở.

8. *Kết hợp lại* là việc kết hợp các nội dung tài nguyên mở khác nhau để tạo ra nội dung mới theo quy định trong giấy phép mở.

9. *Phân phối lại* là việc chia sẻ bản sao nội dung tài nguyên mở gốc, hoặc đã được sửa đổi, hoặc đã được kết hợp lại cho người sử dụng khác theo quy định trong giấy phép mở.

10. *Nền tảng giáo dục mở* là một hệ thống thông tin học tập trực tuyến được xây dựng nhằm cung cấp các tài nguyên giáo dục mở phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu; thực hiện chức năng lưu trữ, quản lý, tìm kiếm, truy cập và chia sẻ tài nguyên giáo dục mở.

11. *Cổng truy cập tài nguyên giáo dục mở quốc gia* là hệ thống thông tin trực tuyến do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý, có chức năng kết nối, tích hợp, giới thiệu, cung cấp, tìm kiếm, truy cập và chia sẻ tài nguyên giáo dục mở từ các cơ sở giáo dục và các nguồn hợp pháp khác trong nước và quốc tế, nhằm phục vụ hoạt động giáo dục đại học và thúc đẩy học tập suốt đời.

Điều 4. Nguyên tắc khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục, khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển đổi số.

2. Thúc đẩy bình đẳng trong tiếp cận giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và học tập suốt đời.

3. Đa dạng hoá tài nguyên giáo dục mở, ưu tiên tài nguyên bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số; đồng thời mở rộng tiếp cận các nguồn tri thức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, giao dịch điện tử, xuất bản, định danh và xác thực điện tử, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan; bảo đảm yếu tố quốc phòng, an ninh quốc gia, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và tính bền vững về hạ tầng kỹ thuật.

5. Phát huy vai trò nền tảng, cốt lõi của tài nguyên giáo dục mở trong triển khai giáo dục đại học số, thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm cập nhật công nghệ mới, đa dạng các hình thức và phương thức đào tạo theo quy định; đồng thời bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu và học liệu giữa cơ sở đào tạo với các bên liên quan không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

6. Các học liệu, giáo trình, bài giảng, khóa học trực tuyến và các sản phẩm học thuật được tạo lập toàn bộ hoặc chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước được ưu tiên công bố theo giấy phép mở phù hợp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc thuộc phạm vi hạn chế công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Các hành vi không được thực hiện

1. Sử dụng tài nguyên giáo dục mở để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; xâm phạm an ninh quốc gia, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội; gây phương hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân.

2. Sử dụng tài nguyên giáo dục mở trái với đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục; xuyên tạc nội dung học thuật; cung cấp hoặc lan truyền thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động giáo dục.

3. Xâm phạm quyền tác giả đối với tài nguyên giáo dục mở đã được cấp giấy phép mở; khai thác, sử dụng, sao chép, sửa đổi, kết hợp, phân phối tài nguyên giáo dục mở vượt quá phạm vi giấy phép mở; cố ý loại bỏ, thay đổi thông tin về quyền sở hữu tác giả của tài nguyên giáo dục mở.

4. Sử dụng tài nguyên giáo dục mở để đăng tải, chia sẻ nội dung xâm phạm quyền riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân; quảng cáo cho các dịch vụ trái phép hoặc các hành vi khác vi phạm an ninh quốc gia trên môi trường mạng; phát tán mã độc, thông tin gây mất an toàn hệ thống thông tin.

5. Công bố, chia sẻ tài nguyên giáo dục mở chứa nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG II

KHAİ THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 6. Yêu cầu đối với tài nguyên giáo dục mở sử dụng trong hoạt động giáo dục đại học

1. Bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nội dung của chương trình hoặc ngành đào tạo ở các trình độ đã được phê duyệt theo quy định; có tính cập nhật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

2. Được gắn và áp dụng giấy phép mở theo các mức độ quyền khác nhau cho người sử dụng, bảo đảm xác định rõ phạm vi, điều kiện khai thác, sử dụng; phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ; bảo đảm minh bạch thông tin về quyền tác giả và quyền liên quan.

3. Bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm, độ tin cậy; có cấu trúc rõ ràng, dễ sử dụng, thuận lợi cho việc tích hợp vào hoạt động giảng dạy và học tập; được thẩm định, rà soát trước khi được sử dụng cho việc tham khảo, hỗ trợ hay được dùng làm học liệu chính thức.

4. Có thông tin đầy đủ, chính xác về các nội dung chủ yếu như: tên tài nguyên, tác giả hoặc tổ chức sở hữu, tóm tắt nội dung, từ khóa, đối tượng sử dụng, giấy phép mở được áp dụng; định dạng tệp, yêu cầu kỹ thuật và điều kiện truy cập,

sử dụng; ngày công bố, lịch sử cập nhật, thông tin liên hệ và các thông tin cần thiết khác phục vụ kiểm soát chất lượng, minh bạch nguồn gốc tài nguyên trên môi trường số.

5. Đáp ứng các yêu cầu về định dạng kỹ thuật phổ biến, bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ và sử dụng lại; bảo đảm tính tương tác, khả năng truy cập thuận lợi cho người sử dụng, hỗ trợ người khuyết tật; tương thích với nhiều thiết bị, hệ điều hành và nền tảng công nghệ; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do các cơ quan quản lý ban hành hoặc hướng dẫn.

6. Trường hợp tài nguyên tích hợp nhiều thành phần, nhiều chủ thể quyền sở hữu hoặc nhiều loại giấy phép khác nhau, người sử dụng phải xác định rõ phạm vi quyền sử dụng của từng thành phần, điều kiện áp dụng giấy phép, cách ghi nhận tác giả, nguồn gốc và phạm vi phân phối, chỉnh sửa của tài nguyên phái sinh.

Điều 7. Quy trình, điều kiện khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học

1. Người đứng đầu cơ sở đào tạo ban hành quy định nội bộ về kiểm soát chất lượng, quy trình, tiêu chí, hồ sơ, điều kiện và thẩm quyền thẩm định, phê duyệt tài nguyên giáo dục mở theo từng loại hình, phù hợp với phạm vi và mục đích sử dụng của tài nguyên giáo dục mở, bảo đảm chất lượng của tài nguyên giáo dục mở được lựa chọn, sử dụng trong hoạt động đào tạo:

a) Các loại hình của tài nguyên: tham khảo, hỗ trợ hay được dùng làm học liệu chính thức; tài nguyên phục vụ kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập, chuyển đổi tín chỉ;

b) Tiêu chí, yêu cầu đối với của tài nguyên giáo dục mở theo Điều 6 của Thông tư này;

c) Cơ cấu, tiêu chuẩn, số lượng thành viên bao gồm thành viên trong và ngoài cơ sở đào tạo của hội đồng thẩm định; nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, quyền hạn của hội đồng, thành viên hội đồng và các bên liên quan, bảo đảm tính độc lập, khách quan trong quá trình thẩm định;

d) Cơ chế đánh giá của người sử dụng nhằm nâng cao tính minh bạch và chất lượng tài nguyên; phương thức thu thập ý kiến của người sử dụng thông qua các kênh thông tin phù hợp; cơ chế tiếp nhận phản hồi, đóng góp, hiệu chỉnh và đồng phát triển tài nguyên giáo dục mở từ cộng đồng học thuật và người sử dụng;

đ) Chu kỳ rà soát, cập nhật định kỳ và cải tiến chất lượng tài nguyên giáo dục mở; việc gỡ bỏ học liệu không đáp ứng yêu cầu.

2. Người đứng đầu cơ sở đào tạo ban hành yêu cầu kỹ thuật đối với việc lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng trên nền tảng giáo dục mở của cơ sở theo quy định của pháp luật; bảo đảm tính đồng bộ, liên thông với Công truy cập tài nguyên giáo dục mở quốc gia và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan về chuyển đổi số.

3. Người đứng đầu cơ sở đào tạo ban hành quy định nội bộ về việc khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở dùng cho học phần, cấp chứng chỉ, chương trình đào tạo của cơ sở; quy định về khai thác, sử dụng cho nguồn học liệu hỗ trợ hoặc chính thức trong hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, công nhận, chuyển đổi tín chỉ, cấp chứng chỉ và văn bằng theo quy chế của cơ sở đào tạo và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo, cấp văn bằng, chứng chỉ, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ

TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở

1. Tổ chức, cá nhân có quyền truy cập, khai thác và sử dụng tài nguyên giáo dục mở theo điều kiện của giấy phép mở được gắn kèm theo; sao chép, chia sẻ, sử dụng lại, chỉnh sửa, kết hợp tài nguyên theo phạm vi được phép; sử dụng tài nguyên phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và các mục đích hợp pháp khác; được truy xuất thông tin về nguồn gốc, giấy phép và điều kiện sử dụng tài nguyên giáo dục mở.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng:

a) Tuân thủ đầy đủ các điều kiện, phạm vi sử dụng được quy định trong giấy phép mở; ghi nhận tên tác giả; rà soát thông tin về giấy phép mở, nguồn gốc tài nguyên giáo dục mở;

b) Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ đối với tài nguyên giáo dục mở theo quy định hiện hành;

c) Không sử dụng tài nguyên giáo dục mở cho các hành vi không được thực hiện quy định tại Điều 5 của Thông tư này;



d) Phản hồi, thông báo lỗi (nếu có), đánh giá và đề xuất cải tiến tài nguyên giáo dục mở thông qua các kênh thông tin phù hợp.

3. Khi sử dụng tài nguyên giáo dục mở để tích hợp vào học liệu, giáo trình, khóa học trực tuyến, chương trình đào tạo, sản phẩm nghiên cứu hoặc công bố học thuật, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra tính hợp lệ của giấy phép mở;
- b) Thực hiện trích dẫn đầy đủ, chính xác theo quy định;
- c) Bảo đảm tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và liêm chính học thuật;
- d) Trường hợp tài nguyên có sử dụng nội dung được tạo ra bởi trí tuệ nhân tạo, phải bảo đảm tính minh bạch theo qui định của pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Cơ sở đào tạo có chính sách tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở; tích hợp tài nguyên giáo dục mở vào hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hỗ trợ khởi nghiệp; phát triển môi trường học tập mở, thúc đẩy học tập suốt đời và văn hóa chia sẻ học liệu.

2. Cơ sở đào tạo được sử dụng tài nguyên giáo dục mở làm học liệu chính thức, học liệu tham khảo hoặc học liệu bổ trợ trong chương trình đào tạo cấp văn bằng ở các trình độ của giáo dục đại học; học liệu cho khóa học, khóa học trực tuyến, cấp chứng chỉ; phục vụ hoạt động nghiên cứu và công bố học thuật và các hoạt động giáo dục kỹ năng theo quy định.

3. Việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, công nhận và chuyển đổi tín chỉ, cấp chứng chỉ và văn bằng phải:

- a) Tuân thủ quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan;
- b) Bảo đảm tính minh bạch, công bằng, khách quan;
- c) Bảo đảm chất lượng của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của học phần, chương trình đào tạo.

Điều 10. Xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại

Khi nhận được phản ánh, khiếu nại hoặc chứng cứ hợp lệ về các vi phạm trong khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở được quy định tại Điều 5 của Thông tư này, cơ quan quản lý Công truy cập tài nguyên giáo dục mở quốc gia hoặc nền tảng tài nguyên giáo dục mở của cơ sở đào tạo có trách nhiệm tạm dừng hoạt động công bố, khai thác, sử dụng tài nguyên có liên quan trực tiếp đến nội dung phản ánh hoặc khiếu nại trong thời hạn ít nhất 15 ngày làm việc để tiến hành xác minh. Trình tự bao gồm rà soát, xác minh thông tin phản ánh, minh chứng vi phạm, khắc phục sai sót nếu xác định có vi phạm.

Các biện pháp tạm dừng không được ảnh hưởng đến quyền hợp pháp của các cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân khác khi đã tuân thủ điều kiện giấy phép mở. Việc xử lý tiếp theo được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 11. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo trong phát triển tài nguyên giáo dục mở

1. Ban hành cơ chế khuyến khích, ghi nhận và đánh giá đóng góp của tổ chức, cá nhân trong xây dựng, phát triển tài nguyên giáo dục mở gắn với công tác thi đua, khen thưởng; xem xét công nhận tài nguyên giáo dục mở đã được thẩm định và công bố hợp lệ là sản phẩm học thuật trong đánh giá, xếp loại và phát triển đội ngũ giảng viên theo quy định của cơ sở đào tạo.

2. Xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển nền tảng tài nguyên giáo dục mở của đơn vị phù hợp với điều kiện của cơ sở đào tạo, có khả năng kết nối, liên thông với Công truy cập tài nguyên giáo dục mở quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm khả năng tích hợp, kết nối với các hệ thống quản lý học tập, thư viện số, kho học liệu số và các nền tảng giáo dục số khác theo chuẩn kỹ thuật được áp dụng góp phần nâng cao khả năng khai thác, chia sẻ và sử dụng lại tài nguyên giáo dục mở.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học trong việc xây dựng, chia sẻ, khai thác và sử dụng tài nguyên giáo dục mở; phát huy vai trò của thư viện, trung tâm học liệu và các đơn vị liên quan trong hỗ trợ quản lý, phổ biến và khai thác tài nguyên giáo dục mở.



4. Bảo đảm nguồn lực tài chính, ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ phát triển tài nguyên giáo dục mở chất lượng cao; thực hiện chuyển đổi số học liệu và định kỳ cập nhật tài nguyên giáo dục mở phù hợp với quyền tự chủ, điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của cơ sở.

5. Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ thông tin, đơn vị cung cấp giải pháp thư viện số, nhà xuất bản và các tổ chức xã hội trong việc hợp tác, đầu tư, cung ứng dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, công cụ quản trị bản quyền, chuẩn hóa cấu trúc dữ liệu học liệu số và tài liệu nội sinh tại cơ sở đào tạo; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tài nguyên giáo dục mở theo quy định của pháp luật.

6. Thiết lập cơ chế quản lý, theo dõi, kiểm soát việc sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong phạm vi cơ sở đào tạo; phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; thực hiện trách nhiệm giải trình, bảo đảm tính minh bạch và thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Xây dựng, quản lý, vận hành và phát triển Công truy cập tài nguyên giáo dục mở quốc gia; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin, quy định về bảo vệ dữ liệu, khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các nền tảng tài nguyên giáo dục mở của các cơ sở đào tạo.

2. Ban hành chuẩn dữ liệu đặc tả làm căn cứ cho các cơ sở giáo dục đại học trong quá trình tạo lập, lưu trữ, quản lý, kết nối và khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về tài nguyên giáo dục mở; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.



Điều 14. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; giám đốc các đại học, học viện; hiệu trưởng các trường đại học; hiệu trưởng hoặc giám đốc các cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Hội đồng QGGD và PTNL;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục KTVB và TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp);
- Như Điều 14;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng PLQG; CSDLQG về VBQPPL;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, GDĐH.



Đà Nẵng, ngày 21 tháng 07 năm 2026

Thông tư số 61/2026/TT-BGDĐT ngày 17/07/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên giáo dục mở trong hoạt động giáo dục đại học

Kính chuyển¹: **Ban Giám hiệu**

Ý kiến của Ban Giám hiệu²:

Thời hạn hoàn thành:

Ý kiến của lãnh đạo đơn vị chủ trì thực hiện³:

Thời hạn hoàn thành:

Ý kiến của lãnh đạo đơn vị phối hợp thực hiện⁴:

Thời hạn hoàn thành:

Ý kiến đề xuất của người giải quyết⁵:

¹ Phần này dành cho Trường Phòng TCHC: ghi rõ tên của thành viên Ban Giám hiệu sẽ cho ý kiến chỉ đạo đối với văn bản đến này

2 Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của Ban Giám hiệu đơn vị, cá nhân chủ trì; các đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giải quyết văn bản đến (nếu có); thời hạn giải quyết đối với mỗi đơn vị, cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến phân phối, giải quyết, ký tên.

³ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân chủ trì giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁴ Ý kiến phân phối, chỉ đạo giải quyết của lãnh đạo đơn vị, cá nhân tham gia phối hợp giao cho cá nhân; thời hạn giải quyết đối với cá nhân (nếu có) và ngày tháng cho ý kiến, ký tên.

⁵ Ý kiến đề xuất giải quyết văn bản đến của cá nhân và ngày tháng đề xuất ý kiến, ký tên.